

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-08-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thanh Hải và ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Ngày 16 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023 về việc tranh chấp "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Tạ Út B, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ I, ấp P, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* ông Võ Văn T, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ I, ấp P, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, bà Tạ Út B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trong năm 2001, bà B và ông T tự chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu, chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không khắc phục được nên không còn chung sống với nhau đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không

còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên bà B xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: có hai con chung tên Võ Văn H, sinh ngày 19/9/2001 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân và Võ Văn Hoài P, sinh ngày 25/10/2010, hiện đang sống với bà B. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung chưa thành niên tên P và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; không có nợ chung.

2. Bị đơn ông Võ Văn T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Thông nhất về thời gian tiến đến hôn nhân trong năm 2001, chung sống với nhau như vợ chồng đến nay chưa đăng ký kết hôn là đúng. Trong cuộc sống hôn nhân, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, không khắc phục được, do đó bà B xin ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung: có hai con chung tên Võ Văn H, sinh ngày 19/9/2001 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân và Võ Văn Hoài P, sinh ngày 25/10/2010, khi ly hôn ông T đồng ý giao con chưa thành niên tên P cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà B, ông T đều vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt, không ai giao nộp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn ông T có nơi cư trú trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa bà B, ông T được xác lập vào năm 2001, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp Luật về Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà B, bị đơn ông T, cùng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt các đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng trong năm 2001 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000.

Do đó, bà Tạ Út B, ông Võ Văn T có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: bà B và ông T có hai đứa con chung tên Võ Văn H, sinh ngày 19/9/2001 đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân và Võ Văn Hoài P, sinh ngày 25/10/2010, đang chung sống với bà B.

Khi ly hôn, bà B xin quyền nuôi con chưa thành niên, ông T đồng ý giao H cho bà B nuôi dưỡng; sự thoả thuận về người trực tiếp nuôi con phù hợp với nguyện vọng của con chung Võ Văn Hoài P. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận, giao Võ Văn Hoài P cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Theo quy định của Luật hôn nhân và Gia đình:

Bà Tạ Út B là người trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Võ Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: bà B người trực tiếp nuôi con chưa thành niên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và người không trực tiếp nuôi con cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn bà Tạ Út B là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Bị đơn ông Võ Văn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Tạ Út B.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Tạ Út B và ông Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Võ Văn Hoài P, sinh ngày 25/10/2010 cho bà Tạ Út B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Tạ Út B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Võ Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Bà Tạ Út B phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009098 ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản

án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ.

Châu Nam Phú